

Số: 42 /2018/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 14 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn
sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 11 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Chủ các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /T

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các Đ/c TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND

ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác sinh hoạt)* là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

2. *Đơn vị vệ sinh môi trường* là các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện và được phép thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

3. *Chứng từ giao nhận chất thải rắn sinh hoạt* (sổ giao nhận hoặc biên bản bàn giao chất thải rắn sinh hoạt) là tài liệu xác nhận việc chuyển giao chủng loại, số lượng chất thải rắn sinh hoạt giữa chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển và chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

4. *Chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt* là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

5. *Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt* là tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

6. *Chủ xử lý chất thải rắn* là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở xử lý chất thải rắn.

7. *Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt* là cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt (kể cả hoạt động tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải rắn sinh hoạt).

Điều 4. Các hành vi bị cấm

1. Vứt, đổ chất thải rắn sinh hoạt không đúng nơi quy định; đổ chất thải rắn sinh hoạt ra vỉa hè, lòng đường, đổ ra hệ thống thoát nước, suối, ao hồ, kênh mương, công viên, vườn hoa, khu vực công cộng.

2. Để lẫn chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại. Để chất thải rắn xây dựng cùng chất thải rắn sinh hoạt ngoài phạm vi thi công gây cản trở giao thông, ô nhiễm môi trường và làm ảnh hưởng xấu đến các công trình hạ tầng kỹ thuật.

3. Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không che chắn, làm rơi vãi, bụi, nước rỉ rác gây bẩn đường giao thông, nơi công cộng, gây ô nhiễm môi trường.

4. Thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt không đúng quy định; không đúng thời gian quy định gây ùn tắc giao thông; để chất thải rắn sinh hoạt lưu giữ quá thời gian quy định làm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường, không thực hiện vệ sinh thùng thu gom chất thải rắn theo quy trình.

5. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc chung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại tại nguồn phát sinh; được thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn nhằm mục đích tăng cường tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng; nộp phí, giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tăng cường áp dụng các biện pháp về tiết kiệm tài nguyên và năng lượng; sử dụng tài nguyên, năng lượng tái tạo và sản phẩm, nguyên liệu, năng lượng sạch thân thiện với môi trường; sản xuất sạch hơn và các biện pháp khác để phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải.

4. Nhà nước khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, phân loại, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng và ưu tiên sử dụng các công nghệ xử lý, thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hướng giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ứng dụng công nghệ hiện đại và tiết kiệm tài nguyên, chi phí xử lý.

Chương II

PHÂN LOẠI, THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 6. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

1. Khuyến khích các hoạt động phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý thành các nhóm như sau:

a) Nhóm hữu cơ dễ phân hủy (nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả, xác động vật);

b) Nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế (nhóm giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh);

c) Nhóm còn lại.

2. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo theo yêu cầu: Đảm bảo không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng; Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi, không thấm nước mưa, không được ngấm hoặc rò rỉ nước rác; có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu chứa, các thiết bị lưu chứa tại nơi công cộng phải đảm bảo tính mỹ quan.

3. Đối với các khu vực đã có bãi chôn lấp hoặc cơ sở xử lý thực hiện đây chuyển phân loại chất thải rắn sinh hoạt trước khi xử lý đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì chủ nguồn thải thực hiện phân loại, bố trí dụng cụ lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo yêu cầu, hướng dẫn của chủ thu gom, vận chuyển, xử lý.

4. Đối với những nơi chưa có dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý thì khuyến khích hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt như sau: chất thải hữu cơ ủ làm phân bón cho cây trồng; chất thải có thể tái chế bán cho các cơ sở mua phế liệu; chất thải vô cơ không thể tái chế được chôn lấp hợp vệ sinh.

Điều 7. Trách nhiệm của hộ gia đình, tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo Điều 6 của Quy định này; tập kết chất thải đúng nơi quy định; không gây mất vệ sinh công cộng; có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, tích cực tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương và các đoàn thể phát động. Trường hợp phát hiện những vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, cần thông báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân tại các khu vực ngoài vùng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện xử lý chất thải rắn theo quy định của chính quyền địa phương hoặc tự đưa về điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt được quy định. Nghiêm cấm việc đổ chất thải rắn ra đường giao thông, sông, ao, hồ, suối, các nguồn nước mặt và khu vực công cộng khác.

3. Tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm ký hợp đồng hoặc đăng ký dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phải nộp phí vệ sinh hoặc giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải (trường hợp phí vệ sinh chuyển sang giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải).

Điều 8. Hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được thực hiện như sau:

a) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của các tổ chức, cá nhân trong vùng được bao phủ dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được đơn vị chuyên trách trực tiếp thu gom, vận chuyển đến cơ sở xử lý trên địa bàn;

b) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của các tổ chức, cá nhân ngoài vùng được bao phủ dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được đơn vị thu gom do Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện thành lập hoặc đơn vị được đặt hàng thu gom vận chuyển về trạm trung chuyển hoặc đến cơ sở xử lý trên địa bàn.

2. Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom theo tuyến để vận chuyển tới điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trên các tuyến đường, tuyến phố, quảng trường, nơi công cộng tập trung đông người, các đơn vị vệ sinh môi trường đặt các thùng rác công cộng tại các địa điểm thuận tiện, đảm bảo mỹ quan chung của khu vực, đặc biệt là tại các địa điểm trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa, di tích lịch sử, để phục vụ việc thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt. Trường hợp trên vỉa hè, đường phố, nơi công cộng có chất thải rắn sinh hoạt rơi vãi mất vệ sinh và mất an toàn giao thông, đơn vị vệ sinh môi trường trên địa bàn phải chủ động khắc phục ngay khi phát hiện hoặc nhận được tin báo.

4. Các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải từ các tổ chức, cá nhân và từ trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý phải đáp ứng đủ các yêu cầu tại Điều 10 của Quy định này.

5. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng các yêu cầu tại Điều 11 của Quy định này và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

Điều 9. Yêu cầu về kỹ thuật đối với thiết bị lưu giữ, điểm tập kết, trạm trung chuyển và phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Các yêu cầu về kỹ thuật thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Đáp ứng đủ yêu cầu tại khoản 2, Điều 6 của Quy định này.

2. Điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Điểm tập kết phải đảm bảo các yêu cầu sau: Đặt ở vị trí thuận lợi cho việc thu gom, không gây mất an toàn giao thông, đảm bảo mỹ quan, bảo vệ môi trường; phải bố trí đủ các thiết bị lưu giữ đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 của Điều này.

b) Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các quy định sau: Có cao độ nền bảo đảm không bị ngập nước; mặt sàn trong khu vực lưu giữ được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; Có sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm; sàn có đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng chất thải rắn sinh hoạt cao nhất theo tính toán; Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; Có rãnh thu chất lỏng về một hố ga thấp hơn sàn để bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi vệ sinh, chữa cháy hoặc có sự cố rò rỉ, đổ tràn; bố trí đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị sơ cứu y tế;

3. Phương tiện thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

a) Số lượng phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quãng đường, số lượng các điểm thu gom, khối lượng chất thải thu gom;

b) Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Yêu cầu đặc thù cho một số phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt như sau: Xe tải thùng lấp cố định (xe chuyên dụng); xe tải thùng hở phải được phủ bạt kín che nắng, mưa trong quá trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; các phương tiện phải đảm bảo không được rơi vãi trong quá trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và có thiết bị nhằm khống chế việc rò rỉ của nước rỉ rác ra môi trường;

d) Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt lấp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển phải có kết cấu cứng, chịu được va chạm đảm bảo không bị biến dạng, hư hỏng, rách vỡ; bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi; đảm bảo lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt không được ngấm, rò rỉ nước rác;

đ) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động phải sơn dòng chữ “VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT” với kích thước chữ tối thiểu là 15cm, và được trang bị như sau: các dụng cụ cứu hỏa (ít nhất là bình bột dập lửa) theo quy định về phòng cháy chữa cháy; hộp sơ cứu vết thương; thiết bị thông tin liên lạc (điện thoại di động hoặc bộ đàm); biển thông báo sự cố cho các đối tượng giao thông khác trong trường hợp sự cố trên đường.

Điều 10. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Bảo đảm phương tiện và nhân lực để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn (đã đảm nhận theo hợp đồng hoặc đặt hàng của chủ nguồn chất thải rắn sinh hoạt).

2. Thông báo rộng rãi về thời gian, địa điểm, tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt cho cộng đồng thuộc địa bàn.

3. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến điểm tập kết, trạm trung chuyển bằng các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 8 của Quy định này.

4. Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

5. Chỉ ký hợp đồng với chủ xử lý chất thải có cơ sở xử lý trên địa bàn tỉnh đáp ứng các yêu cầu sau:

Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc cấp phép xử lý chất thải nguy hại (trong trường hợp cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt kết hợp với xử lý chất thải nguy hại);

Hoặc đã được kiểm tra xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường hoặc đã hoạt động theo văn bản, giấy tờ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước ngày Quy định này có hiệu lực.

6. Đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

7. Tổ chức khám bệnh định kỳ, bảo đảm các chế độ cho người lao động tham gia thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

8. Báo cáo quản lý chất thải rắn sinh hoạt định kỳ hàng năm theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý trên địa bàn.

9. Không thu gom và vận chuyển chất thải rắn trong giờ cao điểm; không tập kết xe gom, xe vận chuyển tại các địa điểm dễ gây ùn tắc giao thông.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với dự án đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn.

b) Xây dựng hệ thống, thiết bị xử lý (kể cả sơ chế, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng), khu vực lưu giữ tạm thời phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

c) Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

d) Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường trước khi chính thức hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

e) Trước khi thực hiện vận hành thử nghiệm, chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt về kế hoạch vận hành thử nghiệm. Thời gian vận hành thử nghiệm xử lý chất thải rắn sinh hoạt không quá 06 (sáu) tháng.

g) Có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước, các bên có liên quan trong trường hợp ngừng dịch vụ xử lý để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp dịch vụ xử lý. Nội dung thông báo phải nêu rõ lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ đồng thời phải có phương án xử lý;

h) Khi phát hiện sự cố môi trường phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chủ đầu tư, chính quyền địa phương hoặc cơ quan

chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường để phối hợp xử lý;

i) Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

2. Xây dựng phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo đúng quy định tại Điều 26 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Chỉ được tiếp nhận và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định từ các đơn vị thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận. Chủng loại, thành phần chất thải rắn tiếp nhận, xử lý phù hợp với quy trình, công nghệ xử lý chất thải của cơ sở xử lý chất thải.

4. Quản lý, vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy trình công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường.

5. Tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường, các biện pháp phòng ngừa, xử lý ô nhiễm như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt. Triển khai thực hiện chương trình giám sát môi trường tại cơ sở và báo cáo kết quả quan trắc đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đúng theo thời gian và tần suất quy định tại Điều 23, Thông tư 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường.

6. Xây dựng kế hoạch, chương trình và biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường theo quy định. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và chuyên đề theo đề nghị của UBND cấp huyện thuộc địa bàn phục vụ, các sở chuyên ngành cấp tỉnh.

7. Phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn an ninh trật tự, an toàn của khu vực xử lý và xung quanh cơ sở xử lý chất thải rắn được giao quản lý, vận hành.

8. Trường hợp cải tạo, phục hồi môi trường khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Trước khi tái sử dụng mặt bằng phải tiến hành khảo sát, đánh giá các yếu tố môi trường liên quan;

b) Trong thời gian chờ sử dụng lại mặt bằng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, việc xử lý nước rỉ rác, khí gas vẫn phải tiếp tục hoạt động bình thường;

c) Theo dõi sự biến động của môi trường tại các trạm quan trắc sau khi chấm dứt hoạt động của bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt;

d) Xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường khi đóng cửa bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trình Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND tỉnh để phê duyệt trước khi đóng cửa bãi chôn lấp. Đối với việc cải tạo, phục hồi môi

trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương phải trình phương án cho Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp;

đ) Ngay sau khi đóng cửa bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt phải tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường và cảnh quan khu vực đồng thời có các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường theo kế hoạch đã được phê duyệt;

e) Tổ chức giám sát môi trường định kỳ, theo dõi diễn biến môi trường tại bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đã đóng cửa ít nhất 05 (năm) năm kể từ ngày đóng cửa bãi chôn lấp. Kết quả giám sát môi trường định kỳ phải được báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về môi trường của địa phương và thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt;

g) Lập bản đồ địa hình của khu vực sau khi đóng cửa bãi chôn lấp, chấm dứt hoạt động của bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt. Đề xuất các biện pháp kiểm soát ô nhiễm trong những năm tiếp theo;

h) Lập hồ sơ bàn giao mặt bằng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý.

9. Chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có quyền:

a) Được thanh toán đúng và đủ giá dịch vụ xử lý chất thải rắn theo hợp đồng đã ký kết;

b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và các định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan đến hoạt động xử lý chất thải rắn;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Xã hội hóa trong lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt

1. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; đầu tư xây dựng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; khuyến khích các tổ chức, cá nhân nghiên cứu áp dụng các mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Chủ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 37, Điều 38, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn.

Điều 13. Quản lý vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. UBND cấp huyện là chủ sở hữu cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý, bao gồm:

a) Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư, được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách;

b) Nhận chuyển giao từ các chủ đầu tư khác, khi dự án đã kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

2. Chủ sở hữu cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt nêu tại Khoản 1, Điều này, lựa chọn chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có đủ năng lực hoạt động thông qua các hình thức đấu thầu, đặt hàng theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

3. Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư ngoài ngân sách chủ đầu tư trực tiếp quản lý, vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn do mình đầu tư hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác làm chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định của pháp luật.

Điều 14. Chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Được chi từ nguồn thu giá dịch vụ, phần còn lại được xem xét bù đắp thêm thông qua ngân sách từ nguồn sự nghiệp môi trường được phân bổ hàng năm của cấp huyện theo phân cấp quản lý ngân sách.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thống nhất quản lý nhà nước đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh và có trách nhiệm cụ thể sau:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định, chính sách chung của tỉnh liên quan đến hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan, các cơ quan truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra về trách nhiệm quản lý về chất thải rắn sinh hoạt ở cấp huyện, cấp xã, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các tổ chức, cá nhân hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

4. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án, kế hoạch bảo vệ môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền; xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn, các khu tái chế, tái sử dụng, bãi chôn lấp thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức xác nhận, điều chỉnh xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc thẩm quyền của Ủy ban

nhân dân tỉnh; thẩm định các phương án tái chế, đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt của các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn việc cải tạo, phục hồi môi trường của bãi chôn lấp chất thải rắn và quy trình đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sau khi kết thúc hoạt động; hướng dẫn việc phục hồi, tái sử dụng diện tích, chuyển đổi mục đích sử dụng và quan trắc môi trường của các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động.

7. Xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải rắn sinh hoạt, quản lý, khai thác, trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt; báo cáo tình hình thực hiện hoạt động quản lý liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Phối hợp với Sở Xây dựng triển khai quy hoạch hoặc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xử lý chất thải rắn; hướng dẫn kỹ thuật địa điểm xây dựng các trạm trung chuyển, các khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát việc xây dựng các bãi chôn lấp và trạm trung chuyển chất thải rắn theo đúng tiêu chuẩn đã đề ra.

Điều 16. Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan xây dựng hoặc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xử lý chất thải rắn; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức công bố, công khai quy hoạch quản lý chất thải rắn, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện.

2. Chủ trì xây dựng kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu và cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm căn cứ tổ chức đấu thầu, đặt hàng thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn kỹ thuật địa điểm xây dựng các trạm trung chuyển, các khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát việc xây dựng các bãi chôn lấp và trạm trung chuyển chất thải rắn theo đúng tiêu chuẩn đã đề ra.

4. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản thẩm tra hoặc đóng góp ý kiến đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải rắn sinh hoạt, quản lý, khai thác, trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

7. Phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thẩm định phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ ngân sách nhà nước

Điều 17. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan rà soát để thống nhất các loại phí chuyển sang giá dịch vụ trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định hiện hành.

3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét hỗ trợ một phần kinh phí từ vốn ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng các công trình liên quan đến công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 18. Sở Kế hoạch và đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tham mưu xây dựng cơ chế hỗ trợ ưu đãi đầu tư, đồng thời hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục đầu tư khi tham gia đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh các bãi chôn lấp, các nhà máy xử lý rác thải theo phương thức xã hội hóa và các hình thức đầu tư khác.

2. Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí vốn cho công tác kiện toàn hệ thống quản lý chất thải rắn sinh hoạt; đồng thời, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập các dự án đầu tư nằm trong chương trình, kế hoạch thu gom, xử lý rác, các trạm trung chuyển rác.

3. Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động trong việc lựa chọn nhà đầu tư để phát triển quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

4. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét hỗ trợ một phần kinh phí từ vốn ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng các công trình liên quan đến công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định

Điều 19. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thẩm định, nghiên cứu khoa học và triển khai áp dụng công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân áp dụng đổi mới công nghệ, trang thiết bị; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thân thiện với môi trường trong xử lý rác thải sinh hoạt và bảo vệ môi trường.

Điều 20. Sở Giao thông Vận tải

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm do chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không đảm bảo điều kiện vận chuyển theo quy định.

Điều 21. Sở Văn hóa thể thao và Du lịch.

1. Tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn; xử lý hoặc kiến nghị các cơ quan có trách nhiệm xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan, tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

3. Xây dựng và triển khai các mô hình bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia; hỗ trợ tuyên truyền các cơ sở đạt tiêu chuẩn môi trường, các hoạt động tại cơ sở có gắn với bảo vệ môi trường.

Điều 22. Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức, ý thức của người dân về trách nhiệm bảo vệ môi trường và trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp. Tăng cường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn; gắn công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn với công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

2. Phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn UBND cấp huyện, UBND cấp xã quy hoạch các điểm thu gom, trung chuyển rác thải gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại các xã.

Điều 23. Công an tỉnh

Chỉ đạo các lực lượng chức năng tăng cường công tác nắm bắt tình hình, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là hành vi đổ trộm rác thải, phế thải xây dựng. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để giáo dục, răn đe và tạo sự thay đổi về ý thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong hoạt động vệ sinh môi trường.

Điều 24. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; chỉ đạo Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tăng thời lượng, tin, bài, thời gian phát sóng, đưa tin về hoạt động vệ sinh môi trường và kết quả thanh tra, kiểm tra về hoạt động thu gom, xử lý rác thải; chú trọng nêu gương những điển hình thực hiện tốt công tác giữ gìn vệ sinh môi trường; thông tin chính xác, kịp thời về những trường hợp vi phạm, những địa phương dễ xảy ra tình trạng vứt rác thải, đổ rác thải không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường nhằm góp phần nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường.

Điều 25. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường cho cộng đồng, các cơ sở sản xuất kinh doanh với các nội dung, hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng; gắn với quản lý trật tự đô thị, trồng và bảo vệ cây xanh, khắc phục tình trạng mất vệ sinh nơi công cộng, đường phố, khu dân cư; phối hợp và phát huy vai trò của các Hội, đoàn thể trong công tác tuyên truyền.

2. Phê duyệt và ban hành Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tại mỗi địa phương và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Chủ động bố trí từ ngân sách cấp huyện và chỉ đạo bố trí từ ngân sách cấp xã để kịp thời hỗ trợ chi phí vận chuyển và xử lý nhằm đảm bảo các điều kiện hoạt động cho các đơn vị môi trường. Chỉ đạo các Ban Quản lý công trình công cộng, công ty, hợp tác xã, tổ đội vệ sinh môi trường trên địa bàn tăng cường tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, không để tình trạng rác thải ứ đọng diễn ra gây ô nhiễm môi trường đặc biệt vào các dịp lễ, tết. Tập trung thu gom triệt để rác thải phát sinh, tồn đọng tại nơi công cộng, các khu vực ven đường giao thông huyện lộ, tỉnh lộ, quốc lộ, công trình văn hóa, du lịch, nơi tập trung sinh hoạt của dân cư.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường theo phân cấp; chịu trách nhiệm trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn xây dựng Hương ước, Quy ước quy định các nội dung về công tác bảo vệ môi trường; thành lập các tổ tự quản có quy mô phù hợp để thu gom chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các phong trào thi đua bảo vệ môi trường; xác định một số khu vực trung tâm, tuyến đường trung tâm hoặc khu dân cư để thực hiện điểm việc bảo đảm vệ sinh môi trường, tạo ra tuyến đường/khu dân cư “xanh - sạch - đẹp”; xây dựng và nhân rộng các mô hình tốt về bảo vệ môi trường ở cộng đồng dân cư; kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động bảo vệ môi trường.

5. Ưu tiên, khuyến khích và có hình thức hỗ trợ phù hợp cho các hình thức xã hội hóa (cá nhân, tổ chức, hợp tác xã,...) tham gia vào hoạt động vệ sinh môi trường tại địa phương.

6. Tổ chức đánh giá tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả về Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt trên địa bàn.

7. Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn thực hiện các nội dung sau: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của địa phương về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra và giám sát thường xuyên các tổ chức, cá nhân làm dịch vụ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn trong việc thực hiện về tần suất thu gom, địa điểm đổ thải theo quy hoạch và quy trình xử lý, đảm bảo vệ sinh môi trường. Phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vứt, đổ chất thải rắn sinh hoạt, phế thải xây dựng không đúng nơi quy định. Không để tình trạng vứt rác thải, đổ chất thải rắn không đúng nơi quy định xảy ra. Xây dựng Hương ước về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

Điều 26. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện nếu để địa phương mình xảy ra tình trạng vứt rác thải, đổ rác thải không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường. Định kỳ hàng năm báo cáo về UBND cấp huyện kết quả thực hiện hoạt động thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

2. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, tập kết, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các thôn, làng, bản, tổ dân phố và các tổ chức tự quản về chất thải rắn sinh hoạt.

3. Phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp huyện trong việc lựa chọn và xây dựng các điểm tập kết/trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể cấp xã tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường, quản lý chất thải rắn; vận động nhân dân thực hiện việc phân loại chất thải tại nguồn, đổ rác đúng thời gian, đúng nơi quy định; phối hợp với UBND các cấp kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn.

5. Kiểm tra việc chấp hành các quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn do mình quản lý; Đề xuất UBND cấp huyện phê duyệt hình thức tổ chức dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với các xã nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của từng xã.

6. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ về tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn do mình quản lý theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

Điều 27. Sự phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên và các tổ chức chính trị - xã hội

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, chỉ đạo và giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên các địa bàn dân cư; đồng thời, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan phát động các đợt ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, bảo vệ môi trường; tổ chức phát động xây dựng các phong trào thiết thực và hiệu quả về bảo vệ môi trường như phong trào không sử dụng túi nilon, phân loại rác thải tại nguồn... nhằm huy động được sức mạnh của toàn thể cộng đồng chung tay giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, xây dựng nếp sống văn minh, thân thiện với môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại Quy định này; hàng năm tổng hợp, đánh giá, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

2. Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công trong Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định này; báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình phát sinh và quản lý chất thải theo thẩm quyền được phân công (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm) về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 20 tháng 3 của năm tiếp theo để tổng hợp, theo dõi.

3. Các nội dung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt không được nêu trong Quy định này thì tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh phải thực hiện theo quy định của pháp luật về Quản lý chất thải rắn hiện hành.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn

PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CTR SINH HOẠT
CỦA UBND CẤP HUYỆN.
(Kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh Điện Biên).

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT.

(Từ ngày tháng..... đến ngày tháng năm 20.....)

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

1. Tình hình chung về phát sinh CTR sinh hoạt:
2. Tình hình chung về hoạt động của các chủ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt có cơ sở trên địa bàn huyện:
3. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm:
4. Các vấn đề khác:
5. Kết luận và kiến nghị:/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu.

TM. UBND ...

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

a) Thống kê CTR sinh hoạt theo các chủ thu gom, vận chuyển; chủ xử lý trên địa bàn.

TT	Chủ thu gom, vận chuyển và xử lý	Số lượng CTR sinh hoạt (kg)	Ghi chú
1	Chủ thu gom, vận chuyển		
2	Chủ xử lý		
3	Tổng số lượng CTR sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý		

b) Thống kê thiết bị thu gom, vận chuyển trên địa bàn.

TT	Thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Xe chuyên dụng		
2	Xe tải, xe thô sơ		
3	Xe đẩy tay		
4	Thùng đựng rác		

PHỤ LỤC 2
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTR SINH
HOẠT CỦA CHỦ THU GOM, VẬN CHUYỂN.
(Kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh Điện Biên).

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU GOM, VẬN CHUYỂN CTR SINH HOẠT.
(Từ ngày tháng..... đến ngày tháng năm 20.....)

Kính gửi: - Sở Tài nguyên và Môi trường;
 - UBND huyện/thị xã/thành phố.

1. Thông tin chung:

Tên chủ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt:

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Hợp đồng dịch vụ/giao kế hoạch/đặt hàng của cơ quan chức năng:

Hợp đồng ký kết với cơ sở xử lý CTRSH được cơ quan chức năng cấp Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu BVMT (ghi cụ thể Giấy xác nhận):

2. Tình hình chung về hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt trong năm vừa qua:

- Phạm vi thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn mà đơn vị thực hiện (bao nhiêu thôn/xã/phường/thị trấn trên tổng số đơn vị hành chính của huyện/thị xã/thành phố?)

- Tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý đối với CTR sinh hoạt của các khu vực như thế nào? (Thời gian/lần)

- Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn (..... tấn/ngày).

- Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt so với lượng phát sinh (khoảng %).

- Khái quát về tình hình phân loại các nguồn phát sinh CTRSH trên địa bàn (đã phân loại chưa? Phân loại như thế nào? Ước tính % được phân loại?).

- Nguồn kinh phí để đơn vị hoạt động:

+ Từ nguồn thu phí vệ sinh các hộ gia đình: đồng.

+ Từ hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển: đồng.

+ Từ nguồn chi sự nghiệp môi trường của địa phương bù đắp: đồng.

+ Nguồn xã hội hóa khác: đồng.

3. Kế hoạch hoạt động trong năm tới:

4. Các vấn đề khác:

(Việc thực hiện các kế hoạch: Sửa chữa, bảo trì và vệ sinh các thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển; đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và công nhân thu gom, vận chuyển; tổ chức khám chữa bệnh, trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ quản lý và công nhân; quản lý, vận hành hệ thống GPS,...).

Cá nhân/Người có thẩm quyền ký

(Ký ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

a). Khối lượng CTR sinh hoạt được thu gom và vận chuyển, xử lý từ các hộ gia đình, cá nhân và khu vực công cộng:

TT	Nguồn phát sinh	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Hộ gia đình, cá nhân		
2	Khu vực công cộng		
	Tổng khối lượng		

b). Khối lượng CTR sinh hoạt được thu gom và vận chuyển, xử lý từ các tổ chức phát sinh chuyên giao CTR sinh hoạt:

TT	Tên các tổ chức	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1			
2			
	Tổng khối lượng		

c). Thông tin về các chủ cơ sở xử lý CTR sinh hoạt tiếp nhận để xử lý CTR sinh hoạt do mình thu gom, vận chuyển, xử lý:

TT	Tên chủ cơ sở xử lý CTR sinh hoạt	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1			
2			
	Tổng khối lượng		

d). Thống kê thiết bị thu gom, vận chuyển trên địa bàn.

TT	Thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Xe chuyên dụng		
2	Xe tải, xe thô sơ		
3	Xe đẩy tay		
4	Thùng đựng rác		